

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 204/2020/HC-PT

Ngày: 23/7/2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Hạnh;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Sơn;

Ông Nguyễn Tất Nam.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Đào Trọng Thuyết, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 440/2019/TLPT-HC ngày 18 tháng 12 năm 2019 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính” do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 41/2019/HC-ST ngày 29/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4982/2020/QĐ-PT ngày 08 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Dương Thị K, sinh năm 1955; địa chỉ: Xóm 3, thôn D, xã Đại C, huyện K, tỉnh Hà Nam; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện:

Luật sư Phạm Quang X - Công ty luật TNHH XTVN thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Luật sư Trần Hồng L - Văn phòng luật sư Lĩnh Chính T thuộc Đoàn luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện K và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Hà Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Hồng S - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị H - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K, vắng mặt (Văn bản ủy quyền số 24/QĐ-UBND ngày 09/01/2020).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam; trụ sở: Số 90, đường T, phường Q, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức V - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam, vắng mặt.

Người bảo vệ quyền lợi cho Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam: Luật sư Nguyễn Văn C - Công ty Luật TNHH Hà Nam; vắng mặt.

+ Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam. Người đại diện theo pháp luật: Ông Chu Văn M - Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ, vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Tổng Công ty V; trụ sở: Tầng 16-17, Tòa nhà V, số 1, Đại lộ Thăng Long, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trường S1 - Quyền Giám đốc Công ty Đầu tư hạ tầng và Đô thị V, vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Ông Hồ Văn G, sinh năm 1954;

+ Anh Hồ Văn T, sinh năm 1979;

+ Chị Hồ Thị N, sinh năm 1981;

+ Chị Hồ Thị Q, sinh năm 1987;

Đều trú tại: Xóm 3, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam;

+ Chị Hồ Thị D, sinh năm 1977; địa chỉ: Xóm 5, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam;

Người đại diện theo ủy quyền của ông G, anh T, chị N, chị Q và chị D: Bà Dương Thị K, sinh năm 1955; địa chỉ: Xóm 3, xã Đại C, huyện Kim B, tỉnh Hà Nam; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 16/10/2018 và quá trình tố tụng, người khởi kiện là bà Dương Thị K trình bày:

Hộ gia đình bà Dương Thị K được Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Hà Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U080861 ngày 27/02/2001 với tổng diện tích đất là 2.307m², trong đó bị thu hồi 1.007,0m² đất trồng lúa gồm: 324m² đất tại thửa số 205 (34) và 683m² đất tại thửa 215 (17), tờ bản đồ số 6, tại khu Di Ta Mạ và Đầm Lính, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam.

Thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Văn IV, Ủy ban nhân dân huyện K đã ra quyết định thu hồi đất và

cưỡng chế thu hồi các thửa đất trên của gia đình bà K. Bà K cho rằng việc thu hồi đất của Ủy ban nhân dân huyện K là không đủ căn cứ pháp lý, chưa được Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, không đúng mục đích, không đúng trình tự, thủ tục, không nằm trong danh mục thu hồi đất theo Điều 62 Luật Đất đai 2013, giá bồi thường thấp và không được thỏa thuận với nhà đầu tư nên bà K khởi kiện yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện K giao Quyết định thu hồi đất, Quyết định cưỡng chế thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường và Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bà; hủy các Quyết định thu hồi đất, Quyết định cưỡng chế thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 324m² đất tại thửa số 205 (34) và 683m² đất tại thửa 215 (17), tờ bản đồ số 6, tại khu Di Ta Mạ và Đầm Lính của hộ gia đình bà K. Buộc Ủy ban nhân dân huyện K phục hồi lại nguyên trạng ban đầu của các thửa đất để trả lại cho gia đình. Nếu Công ty V có nhu cầu sử dụng đất thì phải thương lượng với gia đình bà K theo giá thỏa thuận.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Dương Thị K rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Hà Nam, giữ nguyên các yêu cầu khác.

Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện K và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Kim Bảng do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 04/8/2016, Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Công văn số 6100/BKHĐT-QLKKT trình Thủ tướng Chính phủ về Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Văn IV tại địa bàn các xã N, N, Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam. Ngày 05/8/2016, Thủ tướng Chính phủ ban hành Công văn số 1387/TTg-KTN đồng ý chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Văn IV, huyện K, tỉnh Hà Nam; Chủ đầu tư là Tổng Công ty V với diện tích quy hoạch 300ha tại các xã N, N và Đ, huyện K.

Ngày 05/8/2016, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam đã ban hành Quyết định số 1188/QĐ-UBND phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Đồng Văn IV, huyện K, tỉnh Hà Nam. Ngày 12/10/2016, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam ban hành Công văn số 2409/UBND-NN&TNMT về việc đồng ý chủ trương của Ủy ban nhân dân huyện K triển khai thực hiện công tác thu hồi đất và giải phóng mặt bằng theo quy hoạch để phục vụ dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Văn IV, huyện K (giai đoạn 2) tại địa bàn các xã N, N và Đ.

Ngày 19/8/2016 và ngày 12/10/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam ban hành các Công văn số 1887/UBND-NN&TNMT; Công văn số 2409/UBND-NN&TNMT giao Ủy ban nhân dân huyện K phối hợp các ngành có liên quan thực hiện việc thu hồi đất, giải phóng mặt bằng và bàn giao đất đã thu hồi cho chủ đầu tư.

Ngày 11/8/2017, Ủy ban nhân dân huyện K ban hành Thông báo số 240/TB-UBND về việc thông báo thu hồi đất để thực hiện công tác giải phóng mặt bằng phục vụ dự án xây dựng Khu công nghiệp Đồng Văn IV (giai đoạn 2-đợt 6) tại xã N, Đ, huyện K. Ngày 09/6/2018, Ủy ban nhân dân huyện K đã chỉ đạo Hội đồng Giải phóng mặt bằng (GPMB) huyện K, Trung tâm phát triển Quỹ đất, các cơ quan chuyên môn có liên quan phối hợp tổ chức Hội nghị triển khai công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án. Tại Hội nghị, đại diện Hội đồng GPMB huyện K đã thông qua các văn bản chủ trương thực hiện dự án, chính sách bồi thường, hỗ trợ GPMB, Thông báo thu hồi đất và trao Thông báo thu hồi đất tới các hộ dân dự Hội nghị, giải thích ý kiến thắc mắc của các hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án. Đồng thời, tiến hành niêm yết công khai Thông báo thu hồi đất và các văn bản có liên quan tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam.

Ngày 29/12/2017, Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Hà Nam ban hành Quyết định số 8923/QĐ-UBND về việc thu hồi 1007m² đất trồng lúa; trong đó: 324m² tại thửa số 205 (34) và 683m² tại thửa số 215 (17), Tờ bản đồ số 6 của hộ bà Dương Thị K và ban hành Quyết định số 8937/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ bà Dương Thị K. Theo đó, hộ bà K được bồi thường, hỗ trợ tổng số tiền là 175.218.000đ gồm: bồi thường tiền đất 50.350.000đ, cây lúa 9.063.000đ, hỗ trợ ổn định đời sống 15.105.000đ, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề = 100.700.000đ). Ủy ban nhân dân huyện K đã tổ chức niêm yết công khai các quyết định trên, tiến hành chi trả kinh phí bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và giao quyết định cho các hộ. Tuy nhiên, gia đình bà K không nhận tiền và không nhận quyết định thu hồi đất. Ngày 12/3/2018, Ủy ban nhân dân huyện K ban hành Quyết định số 1738/QĐ-UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất và giao quyết định trên cho hộ bà K, nhưng hộ bà K không nhận.

Đối với các Quyết định thu hồi đất, Quyết định cưỡng chế thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ do cho gia đình bà K không nhận nên đã niêm yết công khai.

Các yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị K là không có căn cứ, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà K.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam; Ủy ban nhân dân xã Đ và Tổng công ty V đều có chung quan điểm: Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Văn IV đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định. Đồng thời, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư. Việc thu hồi đất được thực hiện theo các trình tự, thủ tục xây dựng phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với các hộ dân bị ảnh hưởng, trong đó có hộ bà Dương Thị K là đúng theo quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện trình tự, thủ tục xử lý và tổ chức thực hiện cưỡng chế quyết định thu hồi đất đảm bảo công khai, minh bạch theo đúng trình tự quy định. Bà Dương Thị K khởi kiện các Quyết định hành chính và hành vi hành chính liên quan đến việc thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất để thực

hiện dự án khu Công nghiệp Đồng Văn IV của Ủy ban nhân dân huyện K là không có căn cứ. Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hồ Văn G, chị Hồ Thị D, chị Hồ Thị Q, chị Hồ Thị N và anh Hồ Văn T (là chồng và các con của bà K): Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà K và đề nghị không đưa vào tham gia tố tụng trong vụ án, cam đoan không có khiếu nại, khiếu kiện.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 41/2018/HCST ngày 29/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam quyết định:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về hành vi hành chính buộc Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Hà Nam giao các Quyết định thu hồi đất, Quyết định cưỡng chế thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ đối với các thửa đất bị thu hồi của gia đình bà Dương Thị K.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị K đề nghị hủy các Quyết định thu hồi đất, Quyết định cưỡng chế thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 324m² đất tại thửa số 205 (34) và 683m² đất tại thửa 215 (17), Tờ bản đồ số 6, đất trồng lúa tại khu Di Ta Mạ và Đầm Lính, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam của hộ gia đình bà K và bác yêu cầu của người khởi kiện đề nghị buộc Ủy ban nhân dân huyện K phục hồi lại nguyên trạng ban đầu của các thửa đất để trả lại cho gia đình. Nếu Công ty V có nhu cầu sử dụng đất thì phải thương lượng với gia đình bà K theo giá thỏa thuận. Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 31/10/2019, người khởi kiện bà Dương Thị K có đơn kháng cáo đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để xét xử lại theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Dương Thị K và Luật sư bảo vệ quyền lợi của bà K cho rằng việc thu hồi đất là không có căn cứ, Khu công nghiệp Đồng Văn IV có quy mô 600ha nhưng chưa có quyết định phê duyệt của Quốc hội; Văn bản số 1387/TTg-KTN ngày 05/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ chỉ là công văn đồng ý về chủ trương, không phải là quyết định phê duyệt dự án nhưng Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam lại căn cứ vào văn bản này để cưỡng chế thu hồi đất cho Công ty V thuê là không đúng pháp luật. Dự án này không phải dự án vì lợi ích của nhân dân mà vì mục đích kinh doanh siêu lợi nhuận nên không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất. Ủy ban nhân dân huyện K thu hồi đất nhưng không giao các thủ tục thu hồi đất và phương án bồi thường, hỗ trợ đến các hộ dân có đất bị thu hồi là vi phạm trình tự, thủ tục thu hồi đất và mức bồi thường, hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề là không thỏa đáng, không đảm bảo quyền lợi của người dân. Bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng tố tụng và còn nhiều tài liệu, chứng cứ quan trọng, nhưng chưa được thu thập đầy đủ. Đề nghị Hội đồng

xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo hướng chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích nội dung vụ án, trình bày của đương sự đã kết luận: Ủy ban nhân dân huyện K ban hành các quyết định liên quan đến việc thu hồi đất là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Đây là dự án thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 nên việc bà K yêu cầu được thỏa thuận về giá đất thu hồi với chủ đầu tư dự án là không đúng. Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu khởi kiện bà K đã rút và bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà K là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu; chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa; kết quả tranh luận và trình bày của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa; Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Người tham gia tố tụng tại phiên tòa:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam đều vắng mặt, nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Bà Dương Thị K đề nghị tiến hành xét xử, Luật sư bảo vệ quyền lợi của bà K đề nghị tạm ngưng phiên tòa để thu thập thêm chứng cứ; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị tiến hành xét xử. Hội đồng xét xử phúc thẩm thảo luận thấy phiên tòa này được mở lần thứ 2, các đương sự vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên quyết định tiến hành xét xử.

[1.2]. Đối tượng khởi kiện vụ án hành chính:

Quyết định số 8923/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Kim Bảng về việc thu hồi đất của hộ bà Dương Thị K (BL27); Quyết định số 8937/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Kim Bảng về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đất đai, tài sản- vật kiến trúc, cây cối hoa màu, di chuyển mồ mả và các chính sách hỗ trợ trên đất của các hộ ảnh hưởng bởi dự án xây dựng khu công nghiệp Đồng Văn IV (giai đoạn 2, đợt 11-BL26); Quyết định số 1738/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của Ủy ban nhân dân huyện K về việc cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất của hộ bà Dương Thị K (BL30) và Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ số 28 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện K đối với hộ bà Dương Thị K (BL28) là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Luật tố tụng hành chính.

[1.3]. Thời hiệu khởi kiện:

Ngày 16/10/2018, bà Dương Thị K có đơn khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 8923/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân huyện K về việc thu hồi đất của hộ bà Dương Thị K (BL27); Quyết định số 8937/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân huyện K về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đất đai, tài sản- vật kiến trúc, cây cối hoa màu, di chuyển mồ mả và các chính sách hỗ trợ trên đất của các hộ ảnh hưởng bởi dự án xây dựng khu công nghiệp Đồng Văn IV (giai đoạn 2, đợt 11-BL26) kèm theo Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ số 28 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện K đối với hộ bà Dương Thị K; Quyết định số 1738/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của Ủy ban nhân dân huyện K về việc cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất của hộ bà Dương Thị K (BL30) là vẫn nằm trong thời hiệu khởi kiện được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[1.4]. Thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án:

Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 30; khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

[1.5]. Đơn kháng cáo của đương sự:

Ngày 31/10/2019, bà Dương Thị K có đơn kháng cáo hợp lệ, được gửi trong thời hạn và thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định tại các Điều 205, 206 Luật tố tụng hành chính và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 20/12/2016 của Ủy ban Thường vụ của Quốc hội nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của bà Dương Thị K đề nghị hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định số 8923/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân huyện K về việc thu hồi đất của hộ bà Dương Thị K (BL27); Quyết định số 8937/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân huyện K về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đất đai, tài sản- vật kiến trúc, cây cối hoa màu, di chuyển mồ mả và các chính sách hỗ trợ trên đất của các hộ ảnh hưởng bởi dự án xây dựng khu công nghiệp Đồng Văn IV (giai đoạn 2, đợt 11-BL26) kèm theo Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ số 28 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện K đối với hộ bà Dương Thị K; Quyết định số 1738/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của Ủy ban nhân dân huyện K về việc cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất của hộ bà Dương Thị K được thực hiện đúng quy định của Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2013.

[2.2] Về nội dung của các quyết định:

[2.2.1] Thực hiện Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 29/7/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Nam về bổ sung các dự án thu hồi đất và dự án chuyển mục đích sử dụng dưới 10ha đất trồng lúa năm 2016 trên địa bàn tỉnh Hà Nam, trong đó có Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Văn IV, huyện K, tỉnh Hà Nam được Thủ tướng Chính Phủ đồng ý chủ trương đầu tư tại Văn bản số 1387/TTg-KNT ngày 05/8/2016, chủ đầu tư là Tổng công ty V với diện tích quy hoạch 300ha đất tại các xã N, N và Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam và được Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam phê duyệt quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Đồng Văn IV, huyện K, tỉnh Hà Nam tại Quyết định số 1188/QĐ-UBND ngày 05/8/2016.

Ngày 19/8/2016, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam ban hành Quyết định số 1251/QĐ-UBND phê duyệt bổ sung các dự án phục vụ phát triển kinh tế xã hội năm 2016 trên địa bàn tỉnh Hà Nam bao gồm dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Văn 4, huyện K, tỉnh Hà Nam.

Tại các Văn bản số 2409/UBND-NN&TNMT ngày 12/10/2016 và Văn bản số 1887/UBND-NN&TNMT ngày 19/8/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam đồng ý về chủ trương Ủy ban nhân dân huyện K triển khai thực hiện công tác thu hồi đất và giải phóng mặt bằng để bàn giao đất cho chủ đầu tư thực hiện dự án theo quy định của pháp luật.

[2.2.2] Ngày 11/8/2017, Ủy ban nhân dân huyện K đã ban hành Thông báo số 240/TB-UBND về việc thu hồi đất để thực hiện công tác giải phóng mặt bằng phục vụ dự án xây dựng Khu công nghiệp Đồng Văn IV (giai đoạn 2) tại xã Đại Cương, tổ chức họp dân công khai chủ trương, chính sách liên quan đến bồi thường, giải phóng mặt bằng xây dựng Khu công nghiệp Đồng Văn IV tại xã Đ; thành lập Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng, tiến hành kiểm đếm cây cối, hoa màu trên đất, công khai phương án bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ dân và thực hiện niêm yết công khai các văn bản, quyết định liên quan đến việc thu hồi đất và phương án bồi thường tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Đ và nhà văn hóa thôn theo quy định của pháp luật và tổ chức đối thoại với dân. Gia đình bà K không hợp tác kiểm đếm cây cối, hoa màu trên đất thu hồi. Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định số 6174/QĐ-UBND ngày 04/10/2017 về việc kiểm kê bắt buộc hiện trạng đất đai đối với hộ gia đình bà K và tuyên truyền, vận động gia đình bà K ký biên bản kiểm kê nhưng gia đình bà K không thực hiện. Ngày 18/10/2017, Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định số 6364/QĐ-UB về việc cưỡng chế thực hiện kiểm kê bắt buộc. Các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện Ủy ban nhân dân xã Đ, Ủy ban mặt trận Tổ quốc xã, xóm trưởng xóm 3, xóm 4 đã tiến hành giao trực tiếp các văn bản, quyết định liên quan đến thu hồi đất và phương án phê duyệt bồi thường cho hộ bà K nhưng gia đình bà K không nhận hoặc nhận nhưng không ký biên bản giao nhận quyết định nên phải lập biên bản về việc không nhận và tiến hành niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân xã và nhà văn hóa xóm, thông báo trên đài truyền thanh xã.

[2.2.3] Ngày 29/12/2017, Ủy ban nhân dân huyện K ban hành Quyết định số 8923/QĐ-UBND về việc thu hồi 1.007m² đất nông nghiệp của hộ bà Dương Thị K đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gồm 324m² tại thửa số 205 (34) và 683m² tại thửa số 215 (17), Tờ bản đồ số 6 khu Di Ta Mạ và đầm Lính xã Đ. Cùng ngày 29/12/2017, Ủy ban nhân dân huyện K ban hành Quyết định số 8937/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đất đai, tài sản kèm theo Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ số 28 của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện K đối với hộ bà Dương Thị K. Theo đó, hộ bà K được bồi thường về đất là 50.350.000 đồng; bồi thường về cây lúa là 9.063.000đ; hỗ trợ ổn định đời sống là 15.105.000 đồng và hỗ trợ đào tạo nghề và chuyển đổi việc làm là 100.700.000đ. Tổng cộng là 175.218.000đ. Các quyết định này đã được giao cho gia đình bà K, nhưng gia đình bà K không nhận quyết định và không nhận tiền nên đã phải lập biên bản và tiến hành niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã và nhà văn hóa các xóm. Sau khi ban hành các quyết định nêu trên, Ủy ban nhân dân huyện K đã thành lập Tổ công tác đến gia đình bà K để vận động hộ gia đình bà K nhận tiền bồi thường, hỗ trợ để thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, nhưng gia đình bà K không đồng ý với lý do giá bồi thường quá thấp.

[2.2.4] Ngày 12/3/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện K đã ban hành Quyết định số 1738/QĐ-UBND cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất, giao Quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định thu hồi đất cho gia đình bà K, gia đình bà K nhận nhưng không ký biên bản; niêm yết công khai Quyết định cưỡng chế và tuyên truyền, vận động gia đình bà K chấp hành chủ trương thu hồi đất sau khi giao Quyết định cưỡng chế, nhưng gia đình bà K không đồng ý. Ngày 03/4/2018, Ban cưỡng chế đã tiến hành cưỡng chế thu hồi 1.007m² đất lúa của hộ bà K theo đúng trình tự quy định của pháp luật.

[3] Đối với kháng cáo của bà Dương Thị K cho rằng mức bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất là thấp thấy rằng: Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày 14/11/2014 của Chính Phủ quy định về khung giá đất được sử dụng làm căn cứ để Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất tại địa phương. Trên cơ sở văn bản này, các địa phương ban hành quyết định về giá phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương. Ngày 19/12/2014, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam ban hành Quyết định số 50/2014/QĐ-UBND quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Hà Nam giai đoạn 2015- 2020 và Quyết định số 996/QĐ-UBND ngày 30/6/2017 quy định giá đất làm căn cứ bồi thường khi thu hồi đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Nam từ ngày 01/7/2017 đến ngày 31/12/2017 thì giá bồi thường đất nông nghiệp tại khu vực đồng bằng là 50.000đ/m². Do đó, Ủy ban nhân dân huyện K ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường đối với diện tích đất gia đình bà K bị thu hồi với số tiền 50.000đ/m² là phù hợp và đúng với quy định về giá bồi thường đất của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam.

[4] Việc bà K cho rằng Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Văn 4, huyện K là dự án xây dựng khu nhà ở cao cấp với mục đích kinh doanh thương mại để thu lợi nhuận, không thuộc trường hợp Nhà nước phải ra quyết định thu hồi đất để yêu cầu chủ đầu tư phải thỏa thuận về giá đất thu hồi với người có đất bị thu hồi thấy: Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Văn IV là dự án phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013.

[5] Đối với kháng cáo của bà K cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu thu thập chứng cứ và xem xét thẩm định tại chỗ để làm rõ quy mô thu hồi 600ha đất nông nghiệp thấy rằng: Tại Văn bản số 1387/TTg-KNT ngày 05/8/2016 của Thủ tướng Chính Phủ đồng ý chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Văn 4, huyện K, tỉnh Hà Nam, chủ đầu tư là Tổng công ty V với diện tích quy hoạch 300ha đất tại các xã N, N và Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam. Cũng tại văn bản này thể hiện Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Văn 4 được đổi tên từ Dự án khu công nghiệp K (Ascendas-Protrade) đã được Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt từ năm 2014. Các tài liệu, chứng cứ Luật sư bảo vệ quyền lợi của bà K yêu cầu đã được thu thập đầy đủ và công khai tài liệu, chứng cứ tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; việc Luật sư yêu cầu thẩm định toàn bộ diện tích dự án là vượt quá phạm vi khởi kiện và những yêu cầu này cũng không làm thay đổi bản chất của vụ án và chỉ làm kéo dài vụ án nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu tạm ngừng phiên tòa của Luật sư là có cơ sở.

[6] Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà K về hành vi hành chính buộc Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Hà Nam giao các Quyết định thu hồi đất, Quyết định cưỡng chế quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ đối với các thửa đất bị thu hồi của gia đình bà K; bác yêu cầu khởi kiện của bà K đề nghị hủy các Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ; Quyết định cưỡng chế thu hồi đất đối với diện tích 324m² đất lúa tại thửa số 205 (34) và 683m² đất lúa tại thửa số 215 (17), Tờ bản đồ số 6 tại khu Di Ta Mạ và Đàm Lính, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam của hộ gia đình bà K và bác yêu cầu của người khởi kiện đề nghị buộc Ủy ban nhân dân huyện K phục hồi lại nguyên trạng ban đầu của các thửa đất để trả lại cho gia đình bà K. Nếu Công ty V có nhu cầu sử dụng đất thì phải thương lượng với gia đình bà K theo giá thỏa thuận là có căn cứ.

Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm của bà Dương Thị K.

[7] Về án phí: Do bà K là người cao tuổi nên được miễn tiền án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Không chấp nhận kháng cáo của bà Dương Thị K; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 41/2019/HC-ST ngày 29/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính; điểm a khoản 2 Điều 62; khoản 2 Điều 66; Điều 67; Điều 68; Điều 69; Điều 70 và Điều 71 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 104/2014/NĐ-CP ngày 14/11/2014 của Chính Phủ quy định về khung giá đất.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về hành vi hành chính buộc Ủy ban nhân dân huyện K, tỉnh Hà Nam giao các Quyết định thu hồi đất, Quyết định cưỡng chế thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ đối với các thửa đất bị thu hồi của gia đình bà Dương Thị K.

- Bác yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị K đề nghị hủy các Quyết định thu hồi đất, Quyết định cưỡng chế thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và Bảng tính giá trị bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 324m² đất tại thửa số 205 (34) và 683m² đất tại thửa 215 (17), Tờ bản đồ số 6, đất trồng lúa tại khu Di Ta Mạ và Đàm Lính, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam của hộ gia đình bà K và bác yêu cầu của người khởi kiện đề nghị buộc Ủy ban nhân dân huyện K phục hồi lại nguyên trạng ban đầu của các thửa đất để trả lại cho gia đình. Nếu Công ty V có nhu cầu sử dụng đất thì phải thương lượng với gia đình bà K theo giá thỏa thuận. Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

2- Về án phí: Miễn án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm cho bà Dương Thị K. Hoàn trả cho bà Dương Thị K số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002930 ngày 14/3/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam.

3 - Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Chi cục THADS tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Phương Hạnh